

LỊCH SỬ QUÂN SỰ

MILITARY HISTORY REVIEW

ISSN 2588-1310



VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM - BỘ QUỐC PHÒNG

ĐƯỜNG 19 T. QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI



Ảnh bìa 1: Tượng đài tại Khu di tích Bến Việt (Củ Mèo)
Ảnh Đặng Tiến

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

Chủ tịch
Thượng tướng LÊ CHIÊM
Phó Chủ tịch
Thượng tướng NGUYỄN TRONG NGHĨA
Ủy viên
Thiếu tướng HỒ THANH TỤ
Thiếu tướng NGUYỄN VĂN BAO
Thiếu tướng HỒ BÀ VINH
Đại tá NGUYỄN HOÀNG NHIÊN
Ủy viên-Thứ ký
Thượng tá ĐỖ MẠNH CƯỜNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch
Đại tá, TS NGUYỄN HOÀNG NHIÊN
Ủy viên
GS, NGND VŨ DƯƠNG MINH
PGS, NGND LÊ MẬU HÂN
GS, TS, NGND NGUYỄN QUANG NGỌC
PGS, TS NGUYỄN MẠNH HÀ
Đại tá, PGS, TS DƯƠNG HỒNG ANH
Đại tá, TS TRƯƠNG MAI HƯƠNG
Đại tá, PGS, TS HỒ KHANG
Đại tá, PGS, TS TRẦN NGỌC LONG
Đại tá, PGS, TS HỒ SƠN ĐÀI
Ủy viên-Thứ ký
Thượng tá, THS ĐỖ MẠNH CƯỜNG

BAN BIÊN TẬP

Phó Tổng Biên tập phụ trách
Thượng tá, THS ĐỖ MẠNH CƯỜNG
Biên tập viên
Thiếu tá, THS NGUYỄN HÀ HẢI
Thiếu tá, THS NGUYỄN ĐĂNG TIẾN
Thiếu tá, THS NGUYỄN ĐỨC HỌC
Thượng úy, THS NGUYỄN VĂN BẢO
Giấy phép xuất bản số: 98/GP-BTTTT và
Giấy phép sửa đổi, bổ sung số: 451/GP-BTTTT

TOÀ SOẠN

ĐC: 18 Nguyễn Trĩ Phường, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: (024) 3733 4863; (069) 553 093
Fax: 84-4-3733 4863
Email: tclsqs@gmail.com; tclsqs@yahoo.com
Địa chỉ liên lạc phía Nam
84/4C Cầu Long, phường 2, quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3948 5014

LỊCH SỬ QUÂN SỰ

Military History Review

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA NGÀNH LỊCH SỬ QUÂN SỰ VÀ VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM

MỤC LỤC

Số 310 (10-2017)

Lương Cường	Phát huy vai trò nhân tố chính trị, tinh thần trong Chiến dịch Việt Bắc Thu-Đông 1947 vào xây dựng Quân đội về chính trị hiện nay	3
Nguyễn Vinh Thắng	Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân tố chính trị-tinh thần của Quân đội nhân dân Việt Nam và việc vận dụng trong điều kiện mới	10
Võ Văn Sen	Đãi diều về sự ra đời và phát triển của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ (1945-1975)	14
Nguyễn Văn Thường	Từ chiến thắng An Khê đến phá vỡ Kế hoạch Atlante của Pháp (1953-1954)	21
Trần Văn Riễn	Tự lực, tự cường bảo đảm vũ khí, trang bị-Một thành công của quân giới Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược	25
Nguyễn Thị Thủy - Lê Văn Thuận	Làm rõ thêm về vai trò của công tác phòng không nhân dân Thanh Hóa trong chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ	30
Vũ Thị Miên	Vấn đề hình định trong Hội nghị Manila (24 - 25-10-1966)	37
Nguyễn Huy Thục	Vài nét về tác chiến của lực lượng biệt động Sài Gòn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968	42
Nguyễn Tất Thắng	Tìm hiểu thêm về Căn cứ Vu Quang-Ngân Trươi của nghĩa quân Hương Khê và thời gian diễn ra trận Vu Quang	47
TRANG TƯ LIỆU		
Nguyễn Văn Tùng	Viện trợ quân sự của Liên Xô cho cách mạng Lào trong những năm 1960-1974	51
Lê Văn Thành	Trận đồn Đất Đỏ (3-1947)	56
TRAO ĐỔI NGHIỆP VỤ		
Trần Nam Phương	Phát huy vai trò của khoa học lịch sử quân sự trong đấu tranh chống xuyên tạc lịch sử-Đôi điều suy nghĩ	59
SỬA LẠI CHO ĐÚNG-BẢN THÊM CHO RÕ		
Nguyễn Hoàng Nhiên	Mấy vấn đề về thể trận phòng ngự ở biên giới Tây Nam (1977-1978)	63
Hà Duy Biển	Về thời điểm Nguyễn Anh lên ngôi hoàng đế và niên hiệu Gia Long	68
LỊCH SỬ VÀ NHÂN CHỨNG		
Vương Thừa Vũ	Ngày về chiến thắng	74
	LỊCH SỬ QUÂN SỰ ĐÓNG... ĐÂY	77
	TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC	78

ĐÔI ĐIỀU VỀ SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG Ở NAM BỘ (1945-1975)

VÕ VĂN SEN ^(*)

Bên cạnh những đặc điểm, các vấn đề có tính quy luật thống nhất với cả nước, việc giành, giữ và xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ (1945-1975) có nhiều đặc thù. Tuy nhiên, những đặc thù đó không những không làm giảm cái chung, tính thống nhất, mà trái lại, còn góp phần bổ sung, cụ thể hóa những đặc điểm và quy luật của quá trình giành, giữ và xây dựng chính quyền dân tộc-dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước, trong khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng.

1. Thấu suốt quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng ta ngay từ khi ra đời đã sớm xác định phải dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền. Chính quyền Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (ĐCCH) ra đời trên cơ sở cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 với sự kết hợp của lực lượng chính trị và LLVT, trong đó lực lượng chính trị là chủ yếu. Sự ra đời của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ - một bộ phận của nhà nước Việt Nam ĐCCH thống nhất, cũng theo phương thức như thế. Tuy nhiên, về hình thức, sự ra đời của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ có nhiều điểm

khác so với Bắc Bộ⁽¹⁾. Ở Nam Bộ, tuy sau ngày “Nhật lật Pháp” (9-3-1945), phong trào cách mạng có những chuyển biến mạnh mẽ, nhưng do những yếu tố khách quan và chủ quan chi phối⁽²⁾, những cuộc khởi nghĩa từng phần ở nhiều địa phương không nổ ra làm tiền đề cho chính quyền cách mạng ra đời như ở Bắc Bộ⁽³⁾, mà chỉ có sự phát triển lực lượng cách mạng và phong trào quần chúng, trong đó đáng kể là sự hình thành tổ chức Thanh niên Tiền phong (6-1945) - một hình thức mặt trận yêu nước. Như vậy, sự ra đời chính quyền cách mạng ở Nam Bộ có điểm khác với hình thái chung. Cụ thể, ở Nam Bộ, hình thái khởi nghĩa giành chính quyền chủ yếu là khởi nghĩa lập chính quyền ở thành thị trước rồi mới phát triển về vùng nông thôn thành lập chính quyền cách mạng⁽⁴⁾.

^(*) PGS, TS, Hiệu trưởng Trường Đại học KH&HT & NV, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

⁽¹⁾ Xem thêm: Võ Thị Bích Phương, *Bước đầu tìm hiểu quá trình thành lập chính quyền cách mạng ở Nam Bộ năm 1945-1946*, Luận văn tốt nghiệp Cử nhân Sử học, Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr.91-96.

⁽²⁾ Xem: Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng Tháng Tám 1945*, Nxb Sự thật, H, 1975, tr.112.

⁽³⁾ Xem: Trường Chinh, “Cách mạng Tháng Tám” trong *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*, tập I, Nxb Sự thật, H, 1975, tr.348.

⁽⁴⁾ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng Tháng Tám 1945*, Sđd tr.138.

Nguyên nhân của đặc thù trên là:

Thứ nhất, ở Nam Bộ, kinh tế hàng hóa sớm phát triển, có mối liên hệ kinh tế chặt chẽ giữa nông thôn và thành thị, nhất là Sài Gòn-Chợ Lớn với đồng bằng sông Cửu Long và thị trường quốc tế với hoạt động xuất khẩu gạo. Điều này ảnh hưởng mạnh mẽ đến đặc điểm, thái độ chính trị của tầng lớp phú nông cũng như giai cấp đại địa chủ ở Nam Bộ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho từ 1930 đến giữa những năm 1940, trong khi ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Đảng ta đã xác lập vững chắc quyền lãnh đạo cách mạng, thì ở Nam Bộ quyền lãnh đạo cách mạng lại bị đấu tranh giành giật khá mạnh, giữa các lực lượng vô sản, tư sản và tôn giáo⁽¹⁾.

Thứ hai, sau khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (1940) thất bại, phong trào cách mạng và Đảng bộ Nam Kỳ lâm vào tình trạng khủng hoảng, đến năm 1943 mới liên lạc được với Trung ương. Hơn nữa, tổ chức Đảng ở đây lại bị phân hóa thành hai nhóm cộng sản Tiền phong và Giải phóng nhưng về tổ chức thiếu chặt chẽ. Nhiều tỉnh Nam Bộ, các nhóm đảng viên vẫn hoạt động riêng rẽ, rất ít trong số này có thể liên lạc với Xứ ủy hay Trung ương. Thực trạng này đã tác động sâu sắc đến tiến trình khởi nghĩa và hình thái ra đời của chính quyền nhân dân ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ.

2. Sự hình thành và phát triển của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ là một quá trình lâu dài, gần bó chặt chẽ và chịu ảnh hưởng sâu sắc của hai cuộc chiến tranh cách mạng.

Ngày 25-8-1945, trên cơ sở thắng lợi của

cuộc Tổng Khởi nghĩa ở Sài Gòn, Lâm ủy hành chính Nam Bộ ra đời và đến ngày 10-9-1945, được cải tổ thành Ủy ban nhân dân (UBND) Nam Bộ⁽²⁾. Chỉ sau gần một tháng, chính quyền cách mạng đã được thành lập đều khắp các tỉnh Nam Bộ. Tuy bộ máy chính quyền lúc bấy giờ còn đơn giản, thành phần tham gia rất đa dạng, thậm chí còn phức tạp, nhưng đã thành hệ thống từ cấp xứ, tỉnh, huyện, xã thực sự là cơ sở quan trọng cho việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, để đối phó với âm mưu tui xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp. Từ 23-9-1945 - 19-12-1946 là thời gian chính quyền cách mạng ở Nam Bộ phải vừa kháng chiến chống thực dân Pháp, vừa đấu tranh nội bộ gay gắt, chống lại sự chia rẽ bè phái; củng cố vững chắc chính quyền "của dân, do dân, vì dân" đúng như bản chất cách mạng của nó. Thực tế này đã để lại cho ta nhiều kinh nghiệm về việc giành và giữ chính quyền, đồng thời tạo tiền đề quan trọng để xây dựng chính quyền cách mạng sau này. Từ đầu năm 1947 trở đi, chính quyền cách mạng ở Nam Bộ đã thành một hệ thống khá tập trung, thống nhất và có tinh chiến đấu cao. Cơ cấu tổ chức gồm Ủy ban hành chính (lúc đó gọi là UBND) và Ủy ban kháng chiến; đến cuối 1947 được đổi thành Ủy ban Hành chính-Kháng chiến. Từ 1950 trở đi, địch đẩy mạnh chia cắt và lấn chiếm toàn Nam Bộ, gây cho cách mạng nhiều khó khăn. Do vậy, tháng 6-1951, theo chủ trương của Trung ương Cục, Nam Bộ được tổ chức thành hai Phân liên khu miền Đông và miền Tây, đồng thời điều chỉnh địa giới thành 9 tỉnh. Bộ máy chính trị, hành chính, quân

⁽¹⁾ Xem: Lê Duẩn, *Giạt cấp vô sản với vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam*, Nxb Sự thật, H, 1965, tr.64; Xem thêm: Trần Văn Giáp, *Mấy đặc tính của nông dân đồng bằng Cửu Long-Đồng Nai* in trong: Ủy ban KHXH Việt Nam, *Một số vấn đề khoa học xã hội về đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb KHXH, H, 1983, tr.202.

⁽²⁾ Ban Tổng kết chiến tranh (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh), *Lịch sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.34.

sự cũng được sắp xếp lại cho thích hợp⁽¹⁾. Bên cạnh việc tiến hành kháng chiến, chính quyền còn là công cụ đắc lực để xây dựng, bảo vệ căn cứ địa, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, xã hội, xóa nạn mù chữ, tăng gia sản xuất, từng bước xây dựng nền kinh tế kháng chiến, mà tiêu biểu nhất là thực thi chính sách tạm chia, tạm giao, tạm cấp ruộng đất và đóng thuế nông nghiệp. Quá trình xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng gắn chặt với công tác xây dựng Đảng, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, các đoàn thể quần chúng và lực lượng vũ trang (LLVT)... đã đem đến sự vững mạnh của toàn bộ hệ thống chuyên chính công nông; đồng thời là yếu tố quyết định để Nam Bộ làm tốt vai trò chiến trường phối hợp trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, nhất là trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tuy vậy, trong điều kiện chiến tranh ác liệt, chính quyền ở Nam Bộ không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định về tính dân chủ, việc bầu cử hội đồng nhân dân; hoạt động của hội đồng rất khó tiến hành đều đặn. Thành phần tham gia chính quyền rất đa dạng và phức tạp, nhất là trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến⁽²⁾. Mặt khác, về trình độ, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ, nhân viên chính quyền cách mạng cũng còn nhiều hạn chế.

Bước sang thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975), công cuộc xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ trải qua

ba giai đoạn. Cụ thể, 1954-1960 là giai đoạn cách mạng miền Nam chưa có chính quyền; 1960-1969 là giai đoạn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, các Ủy ban Mặt trận đã được xây dựng đều khắp Nam Bộ, làm chức năng chính quyền cách mạng bên cạnh chức năng Mặt trận; 1969-1975 là giai đoạn ra đời của Chính phủ cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cùng với việc hình thành hệ thống chính quyền cách mạng ở các địa phương.

Giai đoạn 1954-1960, cách mạng miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng lâm vào tình trạng khó khăn, tổn thất, nhất là trong hai năm 1957-1958. Nguyên nhân chủ yếu là do tình thế khách quan nên ta xoay chuyển phương pháp đấu tranh, do đó địch có điều kiện để thắng tay khủng bố, tàn phá cơ sở cách mạng và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng⁽³⁾. Vấn đề giành quyền làm chủ ở nông thôn và khôi phục lại những thành quả cách mạng về ruộng đất mà Đảng ta đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã trở thành những yêu cầu cấp bách của cách mạng miền Nam.

Năm 1960, cuộc Đồng khởi ở Nam Bộ đã góp phần quyết định chuyển cách mạng miền Nam sang thế tiến công. Ngay trong cuộc Đồng khởi, nhân dân đã giành quyền làm chủ, thành lập UBND tự quản ở 984 xã trong tổng số 1.193 xã của Nam Bộ⁽⁴⁾. Các UBND tự quản thực hiện chức năng của chính quyền cách mạng, giải quyết các công việc của xã, ấp nhưng vẫn sử dụng thể hợp pháp, nửa hợp pháp để đấu tranh chống địch. Sau Đồng khởi, chính quyền ở nhiều thôn, xã trên thực tế do nhân

⁽¹⁾ Xem: Ban Tổng kết chiến tranh (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh), *Lịch sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Sdd, tr.244-245.

⁽²⁾ Sau Cách mạng Tháng Tám, ở Nam Bộ, hầu hết nhân dân các địa phương đều bầu người có trình độ học thức cao vào chính quyền cách mạng; họ có thể là thầy giáo, luật sư hoặc những người từng tham gia bộ máy chính quyền cũ nhưng có lòng yêu nước và đã thay đổi thái độ chính trị.

⁽³⁾ Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước-Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, H, 1995, tr.44.

⁽⁴⁾ Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954-1975)*, tập 2, Nxb CTQG, H, 1995, tr.110.

dân tự quản. Song, do chưa mạnh hẳn và muốn tránh cho nhân dân khỏi sự đàn áp tàn bạo, sự bao vây phá hoại của kẻ địch về kinh tế, nên ta chủ trương để nhân dân giữ thể hợp pháp⁽¹⁾. Chính quyền nhân dân tự quản là hình thức đầu tiên có ý nghĩa quan trọng đối với sự tái hình thành chính quyền cách mạng ở Nam Bộ. Cuối năm 1960, Mặt trận Dân tộc



Hội nghị Ủy ban Mặt trận mở rộng Khu Sài Gòn-Gia Định (tại xã An Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, tháng 12-1962).
Ảnh tư liệu

Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời và đến cuối năm 1961 các Ủy ban của Mặt trận cấp tỉnh, huyện, xã đã được tổ chức ở khắp các địa phương Nam Bộ, làm chức năng của chính quyền địa phương. Từ năm 1965 trở đi, các UBND tự quản được chuyển thành các Ủy ban giải phóng để khẳng định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng miền Nam. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, nhiều cuộc tuyên cứ đã được tổ chức và UBND cách mạng ở các địa phương đã lần lượt ra đời. Như vậy đến năm 1968, hệ thống chính quyền cách mạng ở các địa phương hình thành, tạo tiền đề cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam xuất hiện (6-1969)⁽²⁾. Ở đồng bằng sông Cửu Long, quá trình hình thành chính quyền

cách mạng ở xã, ấp là một thử thách gay go phức tạp, “giành đi, giết lại” nhiều lần giữa chính quyền cách mạng và chính quyền tay sai. Phương thức hình thành, hình thức hoạt động của chính quyền cách mạng phải rất linh hoạt, thích hợp với cuộc đấu tranh chống phá bình định nông thôn. Ở những vùng giải phóng, Ủy ban Mặt trận hay Ủy ban Giải phóng và UBND cách mạng có thể được tổ chức công khai. Ở những vùng đang tranh chấp phức tạp chính quyền cách mạng cũng tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Có nơi, có lúc chính quyền cách mạng tồn tại dưới hình thức “chính quyền hai mặt, xanh vô, đỏ lòng” (đanh nghĩa là chính quyền của địch nhưng thực chất là của ta); có nơi tồn tại dưới hình thức “ngày địch, đêm ta”. Trong vùng tạm chiếm, Ủy ban dân tộc giải phóng hay UBND cách mạng được thành lập và hoạt động bí mật. Ngay tại thành phố Sài Gòn, thủ đô của chính quyền địch,

⁽¹⁾ Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb Sự thật, H, 1985, tr.43.

⁽²⁾ Xem: Ủy ban KHXH Việt Nam, *Sơ thảo lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ Cách mạng Tháng Tám đến nay)*, Nxb KHXH, H, 1983, tr.176-180.

tháng 5-1969, Đại hội các lực lượng chính trị của thành phố đã bầu ra UBND cách mạng thành phố do Giáo sư Nguyễn Văn Chí làm Chủ tịch⁽¹⁾.

Từ cuối năm 1969, ở Nam Bộ, hành động bình định nông thôn ráo riết của địch đã gây cho ta nhiều tổn thất; ta mất quyền làm chủ nhiều vùng địa bàn và dân cư ở đồng bằng sông Cửu Long, cơ sở cách mạng ở xã ấp bị tan vỡ hàng loạt. Như vậy là sau khi phát triển đến đỉnh cao vào năm 1968-đầu năm 1969, hệ thống chính quyền cách mạng ở các vùng đồng bằng Nam Bộ lại rơi vào tình cảnh khó khăn. Cuộc đấu tranh chống bình định, giành dân, giữ đất của quân và dân ta diễn ra vô cùng gian khổ, quyết liệt, sau đó đã dần khôi phục lại địa bàn giải phóng. Đến giữa năm 1971, tình hình nông thôn Nam Bộ có những chuyển biến quan trọng; và đến năm 1974, về cơ bản, lực lượng cách mạng, cơ sở cách mạng cũng như phong trào đấu tranh của quần chúng ở đồng bằng sông Cửu Long mới được khôi phục như trước năm 1968.

3. Quá trình ra đời và phát triển của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ cho thấy những vấn đề cốt tử để đảm bảo xây dựng một chính quyền vững mạnh là chính quyền đó phải thực sự là trụ cột của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó liên minh công-nông làm nòng cốt và Đảng Cộng sản phải xây dựng LLVT làm công cụ chuyên chính, do Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối và toàn diện. Đây là vấn đề có tính quy luật của quá trình xây dựng và phát triển chính quyền dân chủ nhân dân ở Nam Bộ nói riêng, trên cả nước nói chung trong thời đại Hồ Chí Minh.

Sự ra đời chính quyền cách mạng Nam

⁽¹⁾ Ban Tổng kết Chiến tranh (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh), *Lịch sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Sđđ, tr.545.

Bộ đã chứng minh sâu sắc rằng: chỉ có một chính quyền cách mạng thực sự tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân thì mới có thể tồn tại và đứng vững trước những thử thách ác liệt của nạn ngoại xâm và nội phản. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn là phải đảm bảo vai trò nòng cốt của khối liên minh công-nông và sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, đối với LLVT. Thực tế trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngay từ cuối năm 1945, ta đã tập trung củng cố vai trò của công-nông trong chính quyền cách mạng, củng cố nội bộ Đảng, chấm dứt sự song song tồn tại của hai xu hướng Tiền phong và Giải phóng, tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối và toàn diện của Đảng với LLVT nhân dân. Quá trình tan rã của các "sự đoàn dân quân cách mạng", "bộ đội HT-29" khi thực dân Pháp tiến công trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến⁽²⁾ là những bằng chứng thuyết phục khẳng định sự cần thiết phải xác lập cho được quyền lãnh đạo của Đảng đối với LLVT. Đó cũng là điều kiện không thể thiếu để chính quyền cách mạng đứng vững⁽³⁾.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sau khởi nghĩa từng phần, ta không chủ trương xây dựng chính quyền cách mạng ngay mà chỉ duy trì sự tồn tại của các hình thức chính quyền tự quản của quần chúng. Các Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng được thành lập ở các địa phương như một hình thức liên minh rộng rãi các giai cấp, tầng lớp dưới sự lãnh đạo của Đảng, vừa làm chức năng chính là Mặt trận vừa làm nhiệm vụ của một tổ chức chính quyền. Chính Mặt

⁽²⁾ Xem: Ban Tổng kết chiến tranh (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh), *Lịch sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Sđđ, tr.70-78.

⁽³⁾ Xem: Ban Tổng kết chiến tranh (Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh), *Lịch sử Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Sđđ, tr.70-78.

trận Dân tộc Giải phóng, mà trong đó liên minh công-nông là nòng cốt, do Đảng ta lãnh đạo, đã tạo tiền đề cần thiết cho sự ra đời của các Ủy ban Giải phóng, UBND cách mạng. Khi cách mạng chuyển lên giai đoạn tiến hành chiến tranh cách mạng thì vai trò của LLVT tăng lên rất lớn, Đảng đã coi trọng củng cố sự lãnh đạo của mình đối với LLVT giải phóng miền Nam. Ngày 15-2-1961, các LLVT cách mạng được thống nhất thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Hệ thống chỉ đạo, chỉ huy quân sự của Đảng được tăng cường, Ban Quân sự Miền giúp Trung ương Cục chỉ đạo, chỉ huy các LLVT ở chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ. Nhiều đảng viên có kinh nghiệm được cử vào làm nòng cốt xây dựng bộ đội chủ lực. Năm 1961, khoảng 50% số lượng đảng viên của Đảng bộ miền Nam nằm trong các đơn vị bộ đội tập trung. Từ đại đội bộ đội địa phương trở lên có chính trị viên. Chỉ bộ Đảng được xây dựng ở cấp trung đội bộ đội địa phương⁽¹⁾.

4. Chính quyền cách mạng ở Nam Bộ (1945-1975) là một bộ phận hữu cơ của chính quyền nhà nước, đã gương cao ngọn cờ dân tộc, thực hiện sáng tạo các chức năng cơ bản của chuyên chính công-nông. Theo đó, trấn áp và bảo vệ trở thành chức năng hàng đầu và quán xuyên toàn bộ quá trình ra đời và phát triển của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chính quyền cách mạng là công cụ sắc bén dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đại đoàn kết toàn dân, tiến hành công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Lúc này, chính quyền cách mạng với tư cách là một bộ phận của chính quyền nhà nước Việt Nam DCCCH, chịu sự chỉ đạo trực tiếp

của chính quyền Trung ương. Trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, về hình thức để gây ngộ nhận hai chính quyền song song tồn tại. Chính quyền Việt Nam DCCCH và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Trên thực tế, phải xét hai chính quyền này trong mối liên hệ của toàn bộ hệ thống chuyên chính lúc bấy giờ thì chính quyền cách mạng ở miền Nam nói chung cũng chỉ là một bộ phận đặc biệt của chính quyền Nhà nước dân chủ nhân dân trên cả nước, bộ phận đang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính công-nông: hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Cả hai chính quyền ở miền Nam và miền Bắc dù đang thực hiện những nhiệm vụ lịch sử khác nhau, nhưng cùng đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của một chính Đảng và cùng có chung nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước. Các công cụ chuyên chính, đặc biệt là LLVT nhân dân, được tổ chức và lãnh đạo thống nhất chung trong cùng một hệ thống trên cả nước⁽²⁾.

Bên cạnh chức năng trấn áp và bảo vệ, chính quyền cách mạng ở Nam Bộ đã có những hình thức, phương pháp linh hoạt, sáng tạo để thực hiện tốt chức năng tổ chức xây dựng của chính quyền chuyên chính dân chủ nhân dân. Cụ thể là giải quyết yêu cầu ruộng đất cùng các quyền tự do, dân chủ khác cho nhân dân, xây dựng nền kinh tế dân chủ nhân dân, xây dựng chế độ mới trong điều kiện chiến tranh ác liệt.

Khác với Bắc Bộ, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Nam Bộ không tiến hành "cải cách ruộng đất" mà chỉ thực hiện chính sách tạm cấp ruộng đất một cách linh hoạt, sáng tạo, vừa thực hiện được yêu

⁽¹⁾ Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954-1975)*, tập 2, Sđd, tr.218-219.

⁽²⁾ Xem: Văn Tạo, *Nhà nước cách mạng Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước*, in trong: Viện Sử học, *Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb KHXH, H, 1985, tr. 134.

cầu cùng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, vừa xóa bỏ về cơ bản chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến ở Nam Bộ khi cuộc kháng chiến kết thúc (cấp gần 60 vạn ha cho hơn nửa triệu nông hộ). Giai đoạn 1954-1960, Ngô Đình Diệm đã xóa bỏ những thành quả về ruộng đất mà cách mạng đem lại cho nông dân. Từ cuộc Đồng khởi năm 1960 trở đi, việc thực hiện chính sách ruộng đất của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã đạt được những kết quả to lớn, không chỉ giành lại những ruộng đất cách mạng đã cấp cho nông dân trước đó mà còn tiếp tục tạm giao, tạm cấp nhiều ruộng đất mới cho nông dân. "Mặt trận đã thực sự đem lại cho nông dân ở nhiều vùng đồng bằng sông Cửu Long quyền sở hữu trên hoa lợi mà họ sản xuất, ý thức về khả năng mặc cả và sự bình đẳng đối với địa chủ"⁽¹⁾. Đến cuối những năm 1960, chính sách ruộng đất của Mặt trận đã làm thay đổi cơ cấu ruộng đất và giai cấp trong vùng nông thôn giải phóng, trung nông và kinh tế trung nông đã trở thành bộ mặt chính của vùng nông thôn giải phóng ở Nam Bộ⁽²⁾. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ ở vùng tạm chiếm cũng chịu ảnh hưởng nhất định của chính sách ruộng đất của Mặt trận và sự phát triển của kinh tế hàng hóa đang trong quá trình suy sụp, không thể nào hồi phục được⁽³⁾. Những chuyển biến về ruộng đất và

giai cấp chính là cơ sở cho việc hình thành nền kinh tế dân chủ nhân dân trong vùng giải phóng ở Nam Bộ trong những năm 1960. Phong trào hợp tác tương trợ nhau trong sản xuất dưới dạng tổ đổi công, vãn công cũng phát triển khá tốt. Tính đến năm 1968, ở Nam Bộ đã có 5.000 tổ vãn công, đổi công với 82.000 tổ viên⁽⁴⁾. Không chỉ dừng lại ở việc giải quyết yêu cầu dân chủ cho nông dân ("Người cày có ruộng") mà chính quyền cách mạng còn chú ý thực hiện nhiều yêu cầu dân chủ khác về chính trị, văn hóa, xã hội... đối với nhân dân. Cương lĩnh, Chương trình mười điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã nêu ra những mục tiêu, yêu cầu toàn diện, bao gồm nhiều quyền dân sinh, dân chủ rất rộng rãi và tiến bộ. Đây cũng chính là sự kế thừa và phát triển những chính sách, chương trình của Mặt trận Việt Minh trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Dĩ nhiên, cũng như trước đây, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, do điều kiện chiến tranh ác liệt nên nhiều quyền tự do, dân chủ, tính dân chủ của bộ máy chính quyền nhà nước cũng có những hạn chế nhất định. Có nơi nhân dân có thể bầu trực tiếp ra các Ủy ban giải phóng, UBND cách mạng, cũng có nơi nhân dân chỉ có thể bầu gián tiếp chính quyền của mình.

Quá trình hình thành và phát triển của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ có rất nhiều vấn đề lý thú cần được tiếp tục nghiên cứu sâu để góp phần thiết thực phục vụ chiến lược xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay■

⁽¹⁾ Frances Fitzgerald, *Fire in the lake*, Vintage Books, New York, 1972, p.201.

⁽²⁾ Cuộc điều tra tháng 10-1969 ở 41 ấp của 4 xã giải phóng vùng T5 (miền Tây Nam Bộ) cho thấy: chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến suy sụp, chế độ sở hữu ruộng đất của trung nông phát triển mạnh, chiếm 81,38% số hộ và 86,96% diện tích. (Xem: Nông vận R, *Báo cáo tổng kết chuyển biến ruộng đất và giai cấp 4 xã vùng giải phóng T5, tháng 10-1969*).

⁽³⁾ Xem: Stanford Research Institute, *Land Reform in Vietnam*, tập IV, phần I, Menlo Part, California, 1968, tr.40, 50.

⁽⁴⁾ Nguyễn Công Bình, *Miền Nam tiến lên hợp tác hóa nông nghiệp* in trong: Viện Sử học, *Nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb KHXH, H, 1979, tr.400. (Tính lại bằng cách lấy số của cả miền Nam trừ cho số của Trung Bộ).